

Nội dung bài viết

1. [Giải VBT Ngữ Văn 7: Ôn tập về phần tập làm văn](#)

***Giải VBT Ngữ Văn 7: Ôn tập về phần tập làm văn***

**I. Về văn biểu cảm**

**Câu 1 (trang 136 VBT): Bài tập 1, trang 139 SGK**

**Trả lời:**

Các văn bản văn xuôi biểu cảm đã học: Cổng trường mở ra; Một thứ quà của lúa non: Cốm; Sài Gòn tôi yêu; Mùa xuân của tôi.

**Câu 2 (trang 136 VBT): Bài tập 2, trang 139 SGK**

**Trả lời:**

Bài văn mà em thích: Một thứ quà của lúa non: Cốm

Những đặc điểm của văn biểu cảm:

- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm (người viết sẽ bày tỏ thái độ, cảm xúc về một đối tượng nào đó).
- Kết hợp cả biểu cảm với tự sự và miêu tả.

**Câu 3 (trang 137 VBT): Bài tập 3, trang 139 SGK**

**Trả lời:**

Yếu tố miêu tả có vai trò: gọi lên đối tượng biểu cảm một cách đầy đủ, rõ nét hơn; gián tiếp bộc lộ cảm xúc, thái độ của người viết đối với đối tượng biểu cảm.

**Câu 4 (trang 137 VBT): Bài tập 4, trang 139 SGK**

**Trả lời:**

Yếu tố tự sự có vai trò: Kể những câu chuyện, sự việc có liên quan đến đối tượng biểu cảm nhằm thể hiện cái nhìn nhiều chiều, thể hiện nhiều mặt, nhiều tính chất của đối tượng; gián tiếp bộc lộ tình cảm, đánh giá của người viết đối với đối tượng biểu cảm.

**Câu 5 (trang 137 VBT): Bài tập 5, trang 139 SGK****Trả lời:**

Khi muốn bày tỏ tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ, ngợi ca đối với một con người, sự vật, hiện tượng, em phải nêu được ở người đó những đặc điểm phẩm chất tốt đẹp, những đi ều ấn tượng, đặc biệt khiến sự vật, hiện tượng, con người đó trở nên khác biệt.

**Câu 6 (trang 138 VBT): Bài tập 7, trang 139 SGK****Trả lời:**

|                           |   |
|---------------------------|---|
| Nội dung văn bản biểu cảm | Biểu đạt một tư tưởng tình cảm, cảm xúc về con người, sự vật kỉ niệm...   |
| Mục đích biểu cảm         | Khêu gọi sự đồng cảm của người đọc, làm cho người đọc cảm nhận được cảm xúc của người viết  |
| Phương tiện biểu cảm      | Ngôn ngữ và hình ảnh giàu tính biểu cảm để biểu đạt tư tưởng, tình cảm. Phương tiện ngôn ngữ bao gồm từ ngữ, hình thức câu văn, vần, điệu, ngắt nhịp, biện pháp tu từ.. |

**Câu 7 (trang 138 VBT): Bài tập 8, trang 139 SGK****Trả lời:**

|          |  |
|----------|--|
| Mở bài   | Giới thiệu đối tượng biểu cảm, nêu cảm xúc chung nhất về đối tượng.  |
| Thân bài | Nêu những cảm xúc, suy nghĩ, đánh giá,... của mình về đối tượng biểu cảm (trong sự kết hợp với tự sự và miêu tả)<br>- Yêu mến<br>- Tôn trọng<br>- Mong nhớ<br>- Biết ơn... |
| Kết bài  | Khẳng định lại tình cảm của mình đối với đối tượng biểu cảm  |

**II. Về văn nghị luận****Câu 1 (trang 139 VBT): Bài tập 3, trang 140 SGK**

**Trả lời:**

a, Mỗi bài văn nghị luận đều phải có: luận điểm, luận cứ và lập luận (trong một bài văn có thể có một luận điểm chính và các luận điểm phụ).

b, Trong đó, luận điểm được coi là yếu tố chủ yếu.

**Câu 2 (trang 139 VBT): Bài tập 4, trang 140 SGK****Trả lời:**

a, Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định), được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán, Luận điểm là linh hồn của bài viết, nó thống nhất các đoạn văn thành một khối.

b, Trong bốn câu trên, các câu (a) “Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước”; (d) “Tiếng cười là vũ khí của kẻ mạnh” được coi là luận điểm.

Bởi vì: Những luận điểm trên là những câu khẳng định, nêu ra được một tư tưởng đầy đủ, sáng tỏ, thể hiện quan điểm của người nói. Còn (b) “Đẹp thay Tổ quốc Việt Nam!” chỉ đơn thuần là một câu cảm thán và (c) “Chủ nghĩa anh hùng trong chiến đấu và sản xuất” không phải là một câu diễn đạt một ý nghĩa đầy đủ.

**Câu 3 (trang 140 VBT): Bài tập 6, trang 140 SGK****Trả lời:**

a. Cách làm bài theo hai đề trên:

- Giống nhau: đều giúp người đọc hiểu được ý nghĩa của câu tục ngữ và kinh nghiệm, bài học đời sống rút ra từ đó.

- Khác nhau: Đề(a) yêu cầu thực hiện phép lập luận giải thích, dựa trên từ ngữ, hình ảnh để giải nghĩa câu tục ngữ; Đề(b) yêu cầu thực hiện phép lập luận chứng minh, phép lập luận giải thích ở đề này chỉ đóng vai trò hỗ trợ.

b. Nhiệm vụ giải thích và chứng minh khác nhau ở chỗ:

+ Giải thích: làm sáng rõ một điều nào đó cho người khác hiểu.

+ Chứng minh: dựa trên những cơ sở thực tiễn, những lí lẽ xác đáng để thuyết phục người khác về một tư tưởng, quan điểm nào đó.